

VIỆT NAM - CỘNG HÒA BUNGARY**BỘ NGOẠI GIAO****Số: 17/2004/LPQT***Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2004*

Hiệp định thương mại giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Bungary có hiệu lực từ ngày 10 tháng 12 năm 2002./.

TL. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

*Phó Vụ trưởng***Nguyễn Hoàng Anh**

HIỆP ĐỊNH thương mại giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Bungary.

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Bungary (sau đây gọi là “các Bên ký kết”);

Trên cơ sở kết quả đã đạt được trong việc phát triển quan hệ thương mại song phương;

Với quyết tâm củng cố, tăng cường và đa dạng hóa quan hệ thương mại giữa hai nước trên nguyên tắc tôn trọng chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi dựa trên quy chế đối xử tối huệ quốc;

Nhận thấy rằng để quan hệ thương mại năng động hơn, cần phải có sự hợp tác chặt chẽ trong nhiều lĩnh vực hoạt động thương mại;

Mong muốn góp phần thực hiện các mục tiêu này bằng việc ký một hiệp định thương mại hai bên cùng có lợi;

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1. Các Bên ký kết sẽ tiến hành những biện pháp thích hợp để tạo điều kiện thuận lợi và đẩy mạnh quan hệ kinh tế thương mại giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Bungary phù hợp với luật pháp hiện hành của mỗi nước.

Điều 2.

1. Các Bên ký kết sẽ dành cho nhau quy chế tối huệ quốc như sau:

Mỗi Bên ký kết dành cho hàng hóa có

xuất xứ tại hoặc được xuất khẩu từ lãnh thổ của Bên ký kết kia sự đối xử không kém phần thuận lợi hơn sự đối xử dành cho hàng hóa tương tự có xuất xứ tại hoặc được xuất khẩu từ lãnh thổ của bất kỳ nước thứ ba nào khác đối với các vấn đề:

a) mọi loại thuế quan và phí đánh vào hoặc liên quan đến việc nhập khẩu hay xuất khẩu hoặc đánh vào việc chuyển tiền quốc tế đối với hàng nhập khẩu hay xuất khẩu, bao gồm cả các phương pháp tính các loại thuế quan và phí đó;

b) những quy định và thủ tục liên quan đến nhập khẩu và xuất khẩu;

c) luật, quy định và các yêu cầu khác có ảnh hưởng đến việc bán, chào bán, mua, phân phối, lưu thông và sử dụng hàng hóa trong thị trường nội địa.

2. Khoản 1 Điều 2 sẽ không được áp dụng đối với:

a) Những thuận lợi mà một Bên ký kết đã hoặc có thể dành cho các nước láng giềng nhằm đẩy mạnh biên mậu;

b) Những thuận lợi mà một Bên ký kết đã hoặc có thể dành cho các nước khác theo một hiệp định đưa đến việc thành lập một liên minh thuế quan hay một khu vực mậu dịch tự do hoặc là kết quả của việc hình thành một liên minh thuế quan hay một khu vực mậu dịch tự do;

c) Những ưu đãi mà một Bên ký kết đã hoặc có thể dành cho các nước đang phát triển theo Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT 1994) hay hiệp định quốc tế khác.

Điều 3. Những điều khoản của Hiệp định này sẽ không ngăn cản các Bên ký

kết ban hành và thực hiện các biện pháp hạn chế nhằm đảm bảo an ninh quốc gia, bảo vệ tính mạng và sức khỏe con người, động vật, thực vật, bảo vệ môi trường và các nguồn tài nguyên không thể tái tạo được, bảo tồn các giá trị nghệ thuật, lịch sử và khảo cổ quốc gia. Những hạn chế này không tạo ra sự phân biệt đối xử tùy tiện hoặc hạn chế giả tạo trong thương mại giữa hai nước.

Điều 4.

1. Theo Hiệp định này, những giao dịch thương mại giữa một bên là tự nhiên nhân và pháp nhân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và một bên là tự nhiên nhân và pháp nhân của nước Cộng hòa Bungary sẽ được thực hiện phù hợp với luật pháp hiện hành ở mỗi nước.

2. Tự nhiên nhân và pháp nhân đề cập ở khoản 1 phải thực hiện các giao dịch thương mại theo đúng trách nhiệm của họ.

Điều 5. Việc thanh toán hàng hóa trao đổi thương mại và dịch vụ giữa hai nước sẽ được tiến hành bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi và phù hợp với luật pháp hiện hành ở mỗi nước.

Điều 6. Phù hợp với luật lệ và cơ chế điều hành mỗi nước, các Bên ký kết sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các thương nhân tham gia các hội chợ, triển lãm và các biện pháp xúc tiến thương mại khác được tổ chức tại hai nước cũng như tiến hành trao đổi các thông tin mang tính chất thương mại.

Điều 7. Mỗi Bên ký kết, theo luật lệ hiện hành của nước mình, sẽ miễn thuế nhập khẩu và tiền bảo lãnh đối với:

a) Hàng mẫu, tài liệu quảng cáo và ca-ta-lô không có giá trị thương mại;

b) Vật dụng phục vụ thí nghiệm và kiểm tra;

c) Hàng hóa trưng bày tại các hội chợ và triển lãm.

Điều 8. Các Bên ký kết sẽ khuyến khích các thương nhân mở rộng các quan hệ hợp tác sản xuất, thành lập các xí nghiệp liên doanh và phát triển các hình thức hợp tác khác phù hợp với luật pháp của mỗi nước.

Điều 9. Phù hợp với luật pháp và quy định của mỗi nước, các Bên ký kết phải đảm bảo việc đi qua lãnh thổ của mình đối với việc vận tải quá cảnh đến hoặc từ lãnh thổ của Bên ký kết kia đối với những hàng hóa:

a) có xuất xứ từ lãnh thổ của Bên ký kết kia và đến một nước thứ ba;

b) có xuất xứ từ một nước thứ ba và đến lãnh thổ của Bên ký kết kia.

Điều 10. Các Bên ký kết khuyến khích sử dụng trọng tài phân xử cho việc giải quyết những tranh chấp giữa các thương nhân phát sinh từ những giao dịch thương mại ký kết theo Hiệp định này phù hợp với các quy định về trọng tài phân xử được thừa nhận quốc tế hoặc như sự thỏa thuận của các bên giao dịch.

Điều 11. Không điều khoản nào trong Hiệp định này ảnh hưởng tới những quyền và nghĩa vụ của một Bên ký kết phát sinh hoặc kết quả từ những hiệp định quốc tế đa phương hoặc song phương liên quan đến thương mại mà Bên đó là thành viên.

Điều 12. Mọi bất đồng liên quan đến việc diễn giải hay thực hiện Hiệp định này sẽ được giải quyết thông qua các cuộc trao đổi ý kiến giữa các Bên ký kết.

Điều 13. Đại diện được ủy quyền của các Bên ký kết sẽ luân phiên gặp nhau tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Bungary để đánh giá tình hình thực hiện Hiệp định này và đưa ra các kiến nghị cụ thể cũng như thảo luận những biện pháp nhằm thúc đẩy quan hệ thương mại và hợp tác kinh tế giữa hai nước.

Điều 14. Hiệp định này có thể được sửa đổi với sự thỏa thuận bằng văn bản của các Bên ký kết và theo những quy định về hiệu lực như quy định tại Điều 15.

Điều 15.

1. Hiệp định này có hiệu lực từ ngày nhận được văn bản thứ hai mà các Bên ký kết thông báo cho nhau rằng các thủ tục pháp lý để Hiệp định có hiệu lực đã được hoàn tất theo luật pháp của hai nước.

2. Hiệp định này có hiệu lực trong thời gian đầu là 5 năm, sau đó sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi lần một năm nếu một Bên ký kết không thông báo cho Bên ký kết kia, 6 tháng trước khi Hiệp định hết hiệu lực, bằng văn bản, ý định của mình về việc chấm dứt Hiệp định.

3. Các điều khoản của Hiệp định này sẽ tiếp tục được áp dụng sau khi Hiệp định hết hiệu lực đối với các giao dịch thương mại được ký kết trong thời gian hiệu lực của Hiệp định nhưng chưa thực

hiện hoàn tất vào ngày Hiệp định hết hiệu lực.

Điều 16.

1. Khi Hiệp định này đi vào hiệu lực, Hiệp định hợp tác kinh tế thương mại giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Bungary ký tại Hà Nội ngày 19/3/1993 sẽ được chấm dứt.

2. Việc chấm dứt hiệu lực của Hiệp định Hợp tác kinh tế thương mại giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Bungary theo khoản 1 sẽ không ảnh hưởng đến bất cứ quyền lợi hoặc nghĩa vụ nào phát sinh trong thời gian Hiệp định này có hiệu lực.

Làm tại Sofia, ngày 02 tháng 4 năm 2001, thành hai bản chính bằng tiếng Bungary, tiếng Việt Nam và tiếng Anh, tất cả đều có giá trị ngang nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau thì theo bản tiếng Anh./.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Lê Danh Vĩnh

Thủ trưởng Bộ Thương mại

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG
HÒA BUNGARY

Christo Mikhailovski

Thủ trưởng Bộ Kinh tế